TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2017/DS-ST
Ngày: 21-8-2017
V/v "T/c Hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường

2. Ông Trần Văn Chu

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2017/TLST-DS ngày 02/6/2017 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng mua bán*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2017/QĐST - DS ngày 26 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2017/QĐST - DS ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lưu Văn T, sinh năm 1961; trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1973; địa chỉ ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn*:

2.1 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 (vắng mặt);

2.2 Bà Lê Thị Công E, sinh năm 1968 (có mặt);

Cùng địa chỉ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị H sinh năm 1950; địa chỉ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1973; địa chỉ ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lưu Văn T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Nguyễn Tấn Đ (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H) trình bày:

Nguyên ông T là chủ doanh nghiệp tư nhân Phước H hành nghề kinh doanh xăng dầu chuyên cung ứng dầu DO và các phụ kiện khác cho tàu cá đánh bắt thủy sản. Trong quá trình kinh doanh, trong năm 2014, ông T đã nhiều lần bán dầu cho ông T và bà Công E. Việc mua bán giữa hai bên chỉ thỏa thuận miệng, thời gian trả tiền là ngay sau khi đánh bắt vào. Tính đến ngày 25/10/2014, ông T và bà Công E còn nợ lại số tiền 95.986.000 đồng. Do bị đơn thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận nên ông T gởi đơn yêu cầu giải quyết. Sau buổi hòa giải tại địa phương, ông T và bà Công E có trả được số tiền 12.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 83.986.000 đồng. Mặc dù ông T nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T và bà Công E vẫn cố tình vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó nay ông T yêu cầu ông T và bà Công E có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 83.986.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Lê Thị Công E trình bày:

Bà thừa nhận từ năm 1992 đến 2014, vợ chồng bà đã nhiều lần mua dầu từ ông T để phục vụ cho việc đánh bắt thủy sản của gia đình. Việc giao kết hợp đồng được hai bên thỏa thuận miệng, hình thức thanh toán một lần ngay sau khi vào bờ. Trong đó, các lần mua dầu từ trước năm 2014, hai bên đã thanh toán dứt điểm. Riêng trong năm 2014, tính đến ngày 25/10/2014, vợ chồng bà còn nợ lại ông T số tiền 95.986.000 đồng. Nguyên nhân vi phạm nghĩa vụ thanh toán thời điểm này là do khó khăn về kinh tế. Sau khi hòa giải tại địa phương vợ chồng bà đã trả cho ông T số tiền 19.000.000 đồng, chứ không phải 12.000.000 đồng như trình bày của ông T nhưng không có chứng cứ chứng minh. Nay vợ chồng bà chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền còn nợ lại là 76.986.000 đồng và xin được trả dần do hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Tấn Đ giữ nguyên trình bày, yêu cầu ông T và bà Công E có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền còn nợ là 83.986.000 đồng.

- Bà Lê Thị Công E đồng ý trả cho ông T số tiền 83.986.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ.

- Ông Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên

đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị đơn Lê Thị Công E thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn Nguyễn Văn T mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt thể hiện việc từ chối thực hiện các quyền, nghĩa vụ được pháp luật quy định. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Theo hồ sơ thể hiện thì các bên đều thống nhất đến ngày 25/10/2014, phía bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền 95.986.000 đồng; đồng thời bị đơn thừa nhận không lập thủ tục giao nhận tiền trả. Sau ngày 11/6/2015, bà Công E có trả được số tiền 19.000.000 đồng nhưng nguyên đơn chỉ thừa nhận trả có 12.000.000 đồng. Do vậy nghĩa vụ chứng minh khoản tiền chênh lệch thuộc về bị đơn; song họ không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì nên phải chịu trả khoản nợ ông T yêu cầu là đúng. Về phương thức thanh toán, bị đơn đề nghị trả dần 1.000.000 đồng/tháng nguyên đơn không chấp nhận nên phải trả ngay. Về nghĩa vụ liên đới trả nợ, qua kết quả xác minh ngày 03/7/2017, vợ chồng ông T, bà Công E xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 1988 đến nay và cùng chung kinh tế gia đình. Vì vậy họ cùng nhau trả nợ cho ông T là đúng. Do đó, đề nghị áp dụng điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T và bà Công E trả cho ông T số tiền 83.986.000 đồng. Trường hợp phía bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ còn phải chịu trả lãi tương ứng với thời gian chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Công E trả số tiền 83.986.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy. Mặc dù việc giao kết hợp đồng mua bán dầu giữa hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, và chỉ được theo dõi qua sổ ghi chép của hai bên nhưng trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà Công E hoàn toàn thừa nhận trong năm 2014 đã nhiều lần cùng ông Nguyễn Văn T giao kết hợp đồng mua dầu với ông T. Khi giao kết hợp đồng, hai bên thỏa thuận thời điểm thanh toán là ngay khi trở vào bờ. Tính đến ngày 25/10/2014, do gặp khó khăn về kinh tế nên ông T và bà Công E còn nợ lại ông T số tiền 95.986.000 đồng. Sau khi hòa giải tại địa phương, ông T và

bà Công E có trả cho ông T một số tiền. Theo nguyên đơn, số tiền được trả tổng cộng là 12.000.000 đồng nhưng bị đơn không đồng ý. Bị đơn cho rằng tổng số tiền đã trả là 19.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ chứng minh đối với số tiền chênh lệch. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà Công E đồng ý trả số tiền 83.986.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn. Bên cạnh đó, căn cứ vào trình bày của bà Công E và kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù ông T và bà Công E chung sống với nhau từ năm 1988 đến nay, không có đăng ký kết hôn nhưng số tiền còn nợ của nguyên đơn xuất phát từ việc ông T và bà Công E cùng tự nguyện giao kết hợp đồng mua bán dầu với ông T, việc đánh bắt thủy sản là nghề nghiệp và nguồn thu nhập chính của gia đình. Do đó, xét yêu cầu của ông T yêu cầu ông T và bà Công E có nghĩa vụ trả số tiền 83.986.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 430, 440 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét việc bà Công E yêu cầu được trả số tiền 83.986.000 đồng bằng hình thức trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ không được phía nguyên đơn đồng ý và xét yêu cầu trên không phù hợp quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[3] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí DS-ST có giá ngạch (83.986.000đ x 5%): 4.199.300đ (bốn triệu một trăm chín mươi chín ngàn ba trăm đồng). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T và bà Công E phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 357, 430, 440, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn T. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Công E có nghĩa vụ trả cho ông Lưu Văn T số tiền là 83.986.000đ (tám mươi ba triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận việc bà Công E yêu cầu trả số tiền 83.986.000 đồng bằng hình thức trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ.

2/- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 4.199.300đ (bốn triệu một trăm chín mươi chín ngàn ba trăm đồng) buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Công E phải nộp.

Trả cho ông Lưu Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.100.000đ (hai triệu một trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007261 ngày 01/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *THADS huyện Ba Tri;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Ngọc Duyên